

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 04 -2022
V/v “ Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Trần Xuân Anh và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988

- Bị đơn: Anh Lê Viết H , sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày giữa chị và anh Lê Viết H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân N (nay là thị trấn N), huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ nam nữ với người con gái khác, từ đó anh H cũng không quan tâm gì đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đã không còn, chị Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết H.

Về phần con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên các cháu là Lê Viết H, sinh năm 21/02/2013 và Lê Thị Khánh N sinh ngày 20/06/2016. Hiện nay cháu nhỏ Lê Thị Khánh N đang ở với chị T; Cháu Lê Viết H ở với bố và ông bà nội, các cháu khỏe mạnh phát triển tốt.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải nguyện vọng của chị T được tiếp tục nuôi Lê Thị Khánh N, còn giao cho anh H nuôi cháu Lê Viết H. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả 02 con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ/ 1 cháu (02 cháu 6.000.000đ) kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay chị T đang làm Công Ty TNHH DREMfVINA có địa chỉ tại xã Đồng L, huyện Triệu S. Thu nhập trung bình từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng/ 1tháng.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Viết H trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện như chị T đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ năm 2016 anh H đi làm tại Hà Nội, ít về nhà, không chung thủy với vợ và ít quan tâm vợ con, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Cuối năm 2021 chị T và con gái có về nhà bố mẹ vợ ở. Tại bản tự khai và hòa giải, anh H đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh H cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung cháu là Lê Viết H, sinh năm 21/02/2013 và Lê Thị Khánh N sinh ngày 20/06/2016. Nguyện vọng của anh H xin được nuôi cả hai cháu Lê Viết H và cháu Lê Thị Khánh N. Về phần cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H trình bày anh làm nghề Cơ khí tự do ngoài Hà Nội, thu nhập trung bình 10.000.000đ đến 12.000.000đồng/tháng, anh xét thấy đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cho chị Tng nuôi cháu Lê Thị Khánh N , giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết H, anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Viết H đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân N (nay là thị trấn N) huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 105/2010, ngày 06/12/2010. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H không chung thủy, chưa thực sự yêu thương, quan tâm và chia sẻ với chị T, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T và anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau. Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 07/2/2022 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị T và anh H. Tại buổi xác minh UBND thị trấn N cho biết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H UBND xã không biết được, vì khi mâu thuẫn anh, chị không báo cáo và yêu cầu UBND xã hòa giải, hiện nay chị Thương và anh H đang sống ly thân. Về con chung vợ chồng anh, chị có 02 con chung, hiện nay cháu Hiệp đang ở cùng anh H, cháu N ở cùng chị T, các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị bạo hành. Anh H làm nghề cơ khí, chị T làm công nhân. Thu nhập và điều kiện kinh tế của anh chị bình thường. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của T, anh H đều chính đáng, chị T và anh H đều có mức thu nhập và điều kiện kinh tế như nhau, anh chị có 02 người con chung, mặc dù cháu H có nguyện vọng xin được ở cùng chị T, nhưng nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Viết H.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, người trực tiếp nuôi con không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu bé, thì người không trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006402 ngày 06 tháng 01 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND TT Nưa*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy